

QUY CHẾ

Quản lý sử dụng chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định chi tiết về dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; việc cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Quy chế này không quy định việc sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các văn bản điện tử, thông điệp điện tử chứa thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị này (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức Nhà nước).

2. Quy chế này áp dụng đối với các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người được cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng công vụ đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức Nhà nước được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trong trường hợp cần thiết các cơ quan Đảng của tỉnh; các cơ quan, tổ chức Nhà nước trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có thể nghiên cứu áp dụng Quy chế này tại đơn vị mình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khóa bí mật là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được dùng để tạo chữ ký số.

2. Khóa công khai là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ thống mật mã không đối xứng, được dùng để kiểm tra chữ ký số tạo bởi khóa bí mật tương ứng trong cặp khóa.

3. Thuê bao là cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, chấp nhận chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và giữ khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được phát hành đó.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ là Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

5. Thiết bị lưu khóa bí mật là thiết bị vật lý chuyên dụng chứa khóa bí mật của thuê bao.

6. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp là cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng trực tiếp quản lý thuê bao sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

7. Yêu cầu chứng thực là các yêu cầu cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật.

8. Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực là hệ thống điện tử hỗ trợ đăng ký, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên môi trường mạng.

Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn>.

9. PKI Token là thiết bị lưu khóa bí mật và chứng thư chữ ký số của từng thuê bao.

10. SIM PKI là thiết bị thẻ SIM điện thoại có chức năng lưu khóa bí mật của thuê bao phục vụ ký số thông điệp dữ liệu trên thiết bị di động.

11. Giải pháp ký số tập trung là giải pháp ký số không sử dụng thiết bị phần cứng (PKI Token, SIM PKI), trong đó khóa bí mật của các thuê bao được lưu giữ tập trung trên thiết bị HSM (Hardware Security Module là thiết bị lưu khóa bí mật tập trung của các thuê bao) của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Chương II

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ, CHỨNG THƯ SỐ VÀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

Điều 4. Thẩm quyền quản lý thuê bao chữ ký số chuyên dùng công vụ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 34 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp

1. Cơ quan quản lý trực tiếp thuê bao chứng thư số trong tỉnh là các cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng thuộc các cơ quan, tổ chức Nhà nước trong tỉnh trực tiếp quản lý các thuê bao sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

2. Các cơ quan, tổ chức là cơ quan quản lý trực tiếp của các cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức mình; bao gồm các thuê bao là tổ chức và cá nhân của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là cơ quan quản lý trực tiếp các Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các cơ quan, tổ chức Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh; bao gồm thuê bao của tổ chức và cá nhân của các cơ quan, tổ chức Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 6. Cơ quan, tổ chức và cá nhân được cấp, sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Các Ban, Văn phòng trực thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

3. Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành; các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

4. Các cơ quan, tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt trên địa bàn tỉnh (nếu có yêu cầu);

5. Các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người được cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp Nhà nước được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ

Điều 7. Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực, thiết bị lưu khóa bí mật

Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực giữa cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật giữa thuê bao, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 04 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 8. Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ do Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp bao gồm:

1. Tạo và phân phối các cặp khóa.
2. Cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.
3. Gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.
4. Thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.
5. Thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.
6. Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật.
7. Công bố và duy trì trực tuyến cơ sở dữ liệu về chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.
8. Kiểm tra chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ trực tuyến.
9. Cấp dấu thời gian.

Điều 9. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định tại Điều 9 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 10. Điều kiện cấp mới chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Điều kiện cấp mới chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho cá nhân
 - a) Phải là cá nhân của các cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 2 Quy chế này và có nhu cầu giao dịch điện tử;
 - b) Có văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.
2. Điều kiện cấp mới chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho cơ quan, tổ chức
 - a) Phải là cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân quy định tại Điều 2 Quy chế này;
 - b) Có quyết định thành lập cơ quan, tổ chức hoặc xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp;
 - c) Có văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.
3. Điều kiện cấp mới chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm
 - a) Thiết bị, dịch vụ, phần mềm thuộc sở hữu, quản lý của cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân quy định tại Điều 2 Quy chế này;
 - b) Có văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.
4. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có tài khoản trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn/> (thông tin chi tiết hướng dẫn sử dụng được đăng tải tại địa chỉ <https://dichvucong.ca.gov.vn/page/huongdan>).

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp, tiếp nhận và bàn giao chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Đề nghị cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ
 - a) Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho cá nhân

Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo Mẫu số 01 gửi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn> (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 68/2024/NĐ-CP).
 - b) Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho cơ quan, tổ chức

Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo Mẫu số 02 gửi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng

thực chữ ký số chuyên dùng công vụ qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn> (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 68/2024/NĐ-CP).

c) Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo Mẫu số 03 gửi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn> (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 68/2024/NĐ-CP).

2. Thời hạn tiếp nhận xử lý và bàn giao thiết bị thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 12. Điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

Điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo Mẫu số 04 gửi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn> (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 68/2024/NĐ-CP).

2. Thời hạn tiếp nhận, xử lý được quy định tại khoản 2, Điều 13 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 14. Điều kiện thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

Điều kiện thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 15. Các trường hợp thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

Các trường hợp thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 16. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo Mẫu số 04 gửi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn> (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 68/2024/NĐ-CP).

2. Thời hạn tiếp nhận, xử lý được quy định tại khoản 2, Điều 16 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 17. Các trường hợp thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

Các trường hợp thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 18. Thẩm quyền đề nghị thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

Thẩm quyền đề nghị thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 19. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo Mẫu số 05 gửi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn> (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 68/2024/NĐ-CP).

2. Thời hạn tiếp nhận, xử lý được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 19 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 20. Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ hết hạn sử dụng hoặc chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ bị thu hồi

Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ hết hạn sử dụng hoặc chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ bị thu hồi thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều 21. Cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ sau khi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ bị thu hồi

1. Thuê bao có nhu cầu cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ sau khi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số

chuyên dùng công vụ bị thu hồi nếu đủ điều kiện tại Điều 10 Quy chế này được xem xét cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ mới.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện theo Điều 11 Quy chế này.

Điều 22. Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật do thuê bao quản lý

1. Trường hợp khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật

Thiết bị lưu khóa bí mật sẽ bị khóa khi nhập sai mật khẩu quá số lần quy định do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ thiết lập. Để thiết bị lưu khóa bí mật hoạt động trở lại, cần phải thực hiện quy trình khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật

a) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo Mẫu số 06 gửi Sở Thông tin và Truyền thông (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 68/2024/NĐ-CP).

b) Khi nhận được văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp thực hiện việc khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật, Sở Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

Điều 23. Yêu cầu kỹ thuật và chức năng đối với phần mềm ký số chuyên dùng công vụ, kiểm tra chữ ký số chuyên dùng công vụ

Yêu cầu kỹ thuật và chức năng đối với phần mềm ký số chuyên dùng công vụ, kiểm tra chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định 68/2024/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Căn cứ yêu cầu đảm bảo an toàn, xác thực thông tin trong giao dịch điện tử phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức mình xem xét, xác nhận văn bản và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin và đề nghị Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cấp, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý.

2. Tiếp nhận, bàn giao chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả thiết bị lưu khóa bí mật, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong phạm vi quản lý.

3. Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền bàn giao cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

4. Cập nhật, quản lý, lưu trữ hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao thuộc phạm vi quản lý.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc triển khai, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thuộc phạm vi quản lý.

6. Định kỳ, đột xuất báo cáo về tình hình cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

7. Tham gia các chương trình tập huấn, hướng dẫn ứng dụng chữ ký số do cơ quan cấp trên hoặc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

Điều 25. Trách nhiệm của thuê bao

Trách nhiệm của thuê bao thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định 68/2024/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Cung cấp các thông tin liên quan đến việc cấp, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật chính xác và đầy đủ.

2. Tiếp nhận chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật từ cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định.

3. Thông báo kịp thời cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

4. Bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật thu hồi cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Quy chế này.

5. Đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật trong trường hợp thiết bị lưu khóa bí mật bị khóa theo quy định tại Điều 22 Quy chế này.

6. Quản lý thiết bị lưu khóa bí mật theo quy định của pháp luật.

7. Sử dụng chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ đúng mục đích và tuân thủ các quy trình, quy định về quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 34 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Xây dựng, ban hành quy định, quy chế về quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong phạm vi quản lý;

b) Định kỳ hằng năm, báo cáo tình hình công tác quản lý, triển khai, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; đồng thời xây dựng kế hoạch, nhu cầu sử dụng của năm tiếp theo cho thuê bao thuộc quyền quản lý theo hướng dẫn của Ban Cơ yếu Chính phủ;

c) Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các thuê bao trong quá trình triển khai, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thuộc phạm vi quản lý;

d) Chủ trì tổ chức tập huấn, huấn luyện triển khai, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các thuê bao thuộc phạm vi quản lý;

đ) Chủ trì, phối hợp với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện công tác hỗ trợ về đăng ký, quản lý, sử dụng chữ ký số

chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các thuê bao thuộc phạm vi quản lý; tổ chức thực hiện gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho các thuê bao thuộc phạm vi quản lý khi cần thiết.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn, triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung; các cơ quan, tổ chức báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.